

Số: 2641 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thái Bình,
tỉnh Hưng Yên**

Mã số thông tin quy hoạch: 332612106001

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 252/TB-UBND ngày 22/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Lê Huy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 21/8/2026;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án lập Quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 126/TTr-BQLDA ngày 18/8/2026, của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 690/BC-SXD ngày 15/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thái Bình, tỉnh Hưng Yên với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới:

- Đô thị Thái Bình được quy hoạch trên phạm vi địa giới đơn vị hành chính của 05 phường: Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Vũ Phúc, Trà Lý, tỉnh Hưng Yên.

- Phía Đông: Giáp các xã: Thư Trì, Vũ Thư;

- Phía Tây: Giáp các xã: Đông Quan, Bình Nguyên, Quang Lịch;

- Phía Bắc: Giáp các xã: Nam Tiên Hưng, Nam Đông Hưng;

- Phía Nam: Giáp các xã: Vũ Tiến, Thư Vũ, Vũ Quý.

1.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 11.691 ha.

- Quy mô dân số hiện trạng: 291.072 người

- Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch

2.1. Quan điểm:

- Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành khác.

- Phát triển đô thị Thái Bình phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và gắn với hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Quá trình phát triển đô thị cần khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí, giao thông, làm cơ sở phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch văn hóa tâm linh của địa phương.

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử. Tổ chức không gian đô thị hợp lý, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước xây dựng diện mạo đô thị văn minh, hiện đại.

- Thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua việc hình thành các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dịch vụ, địa phương có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Khai thác lợi thế liên kết vùng: Tận dụng lợi thế từ các tuyến giao thông lớn để phát triển thương mại, dịch vụ và logistics.

- Đảm bảo quốc phòng an ninh: Phát triển gắn với bảo vệ, giữ vững an ninh, trật tự, ổn định xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt. Là cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch, hoạch định các chính sách thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị.

2.2. Mục tiêu phát triển:

- Phát triển đô thị Thái Bình theo hướng trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, chăm sóc y tế, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật của tỉnh, thuộc hành lang sinh thái sông Hồng, góp phần thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, đồng thời bảo đảm phát triển xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về định hướng không gian, đô thị Thái Bình sẽ phát triển các trung tâm y tế - giáo dục và các khu dân cư tập trung gắn với trung tâm hành chính - dịch vụ, mở rộng các khu, cụm công nghiệp, cảng cạn, trung tâm logistics... hình thành các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung phù hợp với điều kiện địa phương. Chú trọng bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan và các giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển.

- Phát triển đô thị đa ngành và xây dựng hạ tầng đồng bộ. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao; đào tạo chất lượng cao; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, đồng thời phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa tập trung và nâng cao đời sống người dân.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ lao động để đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và đảm bảo công bằng xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt. Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch văn hóa tâm linh gắn với các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn. Đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định xã hội.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch:

3.1. Tính chất: Đô thị Thái Bình là đô thị loại II, là đô thị trung tâm kinh tế, văn hóa, chăm sóc y tế, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật của tỉnh, thuộc hành lang sinh thái sông Hồng.

3.2. Vai trò:

- Đô thị Thái Bình là đô thị loại II, đô thị trung tâm vùng, đầu mối giao thương, thương mại - dịch vụ, trung tâm y tế - giáo dục vùng phía Nam tỉnh Hưng Yên.

- Kết nối các đô thị trong hệ thống các đô thị tiểu vùng trung tâm: Vũ Thư - Thái Bình - Trà Giang - Vũ Quý - Kiến Xương - Thái Thụy - Tiền Hải. Đô thị Thái Bình có vai trò là đô thị trung tâm dịch vụ - thương mại, y tế, giáo dục, sản xuất... phục vụ cho toàn bộ sự phát triển của khu vực phía Nam tỉnh Hưng Yên.

- Khu vực thúc đẩy liên kết kinh tế và chuyển dịch cơ cấu sản xuất của tỉnh, kết nối với hành lang kinh tế ven biển và hệ thống logistics của Hải Phòng thông qua hành lang vận tải ven biển. Tiếp nhận đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông sản, thương mại và dịch vụ hậu cần.

- Có vai trò gìn giữ, bảo quản, phát triển các không gian di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch của tỉnh.

3.3. Chức năng: Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thái Bình có các chức năng chính gồm: Trung tâm hành chính - chính trị địa phương; trung tâm thương mại - dịch vụ và logistics của khu vực; trung tâm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu vực phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; phát triển du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích lịch sử; cung cấp dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa phục vụ người dân và du khách.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số quy hoạch đến năm 2030: Khoảng 350.000 người.

- Quy mô dân số quy hoạch đến năm 2050: Khoảng 560.000 người.

- Trên cơ sở dân số quy hoạch các giai đoạn, các chỉ tiêu về đất đai (đất xây dựng đô thị, đất dân dụng, ...), cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được xác định theo quy định tại Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

4.2. Định hướng phát triển:

Trong quá trình lập Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thái Bình cần tập trung giải quyết một số vấn đề trọng tâm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, khắc phục các hạn chế hiện có và định hướng phát triển bền vững cho đô thị trong tương lai, cụ thể:

- Tổ chức không gian hợp lý để khai thác tối đa lợi thế về hạ tầng giao thông đường bộ, giúp phát huy được thế mạnh về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sẵn có, hình thành thêm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới, các cụm cảng cạn và trung tâm logistics.

- Nhanh chóng nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, vỉa hè, điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước ngầm) tại các khu vực vốn là xã thuần nông cũ để đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn đô thị.

- Phát huy vai trò, giá trị của các trung tâm y tế, giáo dục, thương mại dịch vụ sẵn có để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững, xứng đáng vị thế đô thị trung tâm vùng phía Nam.

- Xử lý bài toán ô nhiễm môi trường: Định hướng quy hoạch hệ thống thu gom, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xử lý dứt điểm các cơ sở thu gom rác thải gây ô nhiễm môi trường.

- Tách biệt hệ thống thoát nước: Khu vực nội đô cũ hiện tại vẫn dùng chung hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt. Quy hoạch mới cần giải quyết triệt để việc bóc tách, xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường.

- Bảo vệ hành lang xanh sông Trà Lý: Khi chuyển dịch đô thị hướng ra hai bên bờ sông, quy hoạch phải kiểm soát nghiêm ngặt các nguồn thải dọc tuyến, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm rác thải, nước thải đô thị và nước thải từ các làng nghề lân cận đổ vào dòng sông trực cảnh quan này.

- Bố trí, sắp xếp, chuyển đổi công năng các trụ sở dôi dư sau quá trình sáp nhập. Quy hoạch cần định hình rõ phương án đầu giá, chuyển đổi công năng các cơ sở này thành công trình công cộng, thương mại dịch vụ hoặc không gian xanh cho cộng đồng.

- Thay đổi cơ cấu công nghiệp nhỏ lẻ, dần hình thành các trung tâm sản xuất lớn, có thể thu hút dịch chuyển lao động từ nơi khác về như các khu công nghiệp.

- Quy hoạch để đưa hoạt động văn hóa trở thành một thành phần chính vận hành cơ cấu kinh tế của khu vực.

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

5.1. Yêu cầu đối với mức độ điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, đánh giá hiện trạng:

- Công tác điều tra, khảo sát được thực hiện toàn diện, có trọng tâm, bao quát các nội dung về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội, sử dụng đất và hạ tầng. Khảo sát thực địa đảm bảo phản ánh đúng hiện trạng, cập nhật biến động và xác định các khu vực phát triển, hạn chế xây dựng.

- Thu thập tài liệu, số liệu: Tài liệu, số liệu được thu thập từ các nguồn chính thống, đảm bảo tính pháp lý và độ tin cậy cao. Các số liệu được kiểm tra, đối chiếu và cập nhật nhằm đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất phục vụ lập quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng: Trên cơ sở điều tra và số liệu thu thập, tiến hành phân tích, đánh giá tổng hợp hiện trạng khu vực; làm rõ tiềm năng, lợi thế, hạn chế và các vấn đề tồn tại. Kết quả là cơ sở để đề xuất định hướng và giải pháp quy hoạch phù hợp.

- Kết quả công tác điều tra, khảo sát, đánh giá bao gồm các nội dung yêu cầu chính: Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên; hiện trạng dân số, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt về phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật; so sánh, đối chiếu với định hướng và chỉ tiêu tại quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có); đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch theo các tiêu chuẩn, tiêu chí về đô thị. Đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đang được triển khai thực hiện trên địa bàn, liên quan đến phạm vi quy hoạch. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

5.2. Nội dung của quy hoạch chung cần thể hiện được các yêu cầu chính sau:

- Lý do, sự cần thiết, cơ sở, căn cứ lập quy hoạch chung; luận cứ, xác định phạm vi quy hoạch và quy mô, diện tích lập quy hoạch;

- Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên; hiện trạng dân số, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt về phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật; so sánh, đối chiếu với định hướng và chỉ tiêu tại quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có); đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch theo các tiêu chuẩn, tiêu chí về đô thị. Đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đang được triển khai thực hiện trên địa bàn, liên quan đến phạm vi quy hoạch. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển; luận cứ, xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với khu vực được định hướng phát triển đô thị;

- Đánh giá, dự báo các tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt đến định hướng phát triển của đô thị. Dự báo các chỉ tiêu phát triển: tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị và các khu chức năng trong khu vực được định hướng phát triển đô thị;

- Xác định nguyên tắc, tiêu chí làm cơ sở để lựa chọn phương án cơ cấu phát triển đô thị;

- Định hướng phát triển không gian: Mô hình và hướng phát triển đô thị; xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng trong phạm vi quy hoạch; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm đối với đô thị là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; hệ thống trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở; trung tâm chuyên ngành cấp đô thị; định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn.

- Định hướng sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn quy hoạch; xác định quy mô sử dụng đất đối với các khu chức năng; xác định chỉ tiêu về dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất đối với phạm vi quy hoạch;

- Thiết kế đô thị: Xác định vùng kiến trúc cảnh quan, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị trong phạm vi quy hoạch. Đề xuất tổ chức không gian các hệ thống trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn đô thị; tổ chức không gian cây xanh, mặt nước trong phạm vi quy hoạch;

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật gồm: Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông như: cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, ga đường sắt, bến xe đối ngoại; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính trong phạm vi quy hoạch và hệ thống hào, tuy nen kỹ thuật; xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước và công trình xử lý nước thải; vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác;

- Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường: Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch;

- Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Hồ sơ sản phẩm quy hoạch đảm bảo theo quy định của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng, quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Số lượng hồ sơ sản phẩm: 07 bộ.

7. Các quy định về lấy ý kiến

7.1. Nguyên tắc lấy ý kiến:

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Đảm bảo công khai, minh bạch, đầy đủ và đúng đối tượng;
- Ý kiến góp ý phải được tổng hợp, giải trình và tiếp thu trước khi hoàn thiện hồ sơ;

7.2. Nội dung lấy ý kiến gồm: Nội dung của quy hoạch chung đô thị.

7.3. Đối tượng lấy ý kiến:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia có liên quan.
- Cộng đồng dân cư các phường: Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Vũ Phúc, Trà Lý gồm người dân và các cơ quan đoàn thể.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý dự án lập Quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Theo quy định pháp luật về đấu thầu.
- Tiến độ thực hiện: Không quá 09 tháng từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý dự án lập Quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Vũ Phúc, Trà Lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Uất*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT1 *Viết*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Hùng Nam